| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 1516/2026/QĐST-HNGĐ | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
# TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1257/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Nguyễn Thị Phượng T; sinh ngày: …; Số CCCD: …; địa chỉ: 24/19/26A đường T, khu phố T, phường B, Thành Phố H.

2. Ông Trương Nhật Vũ B; sinh ngày: ….; Số CCCD: …; địa chỉ: 24/19/26A đường 24/19/26A đường T, khu phố T, phường B, Thành Phố H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2.] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phượng T và ông Trương Nhật Vũ B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08 do Ủy ban Nhân Dân Phường 19, quận Bình thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/02/2024 cho bà Nguyễn Thị Phượng

T và ông Trương Nhật Vũ B không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phượng T và ông Trương Nhật Vũ B cùng xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phượng T và ông Trương Nhật Vũ B xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Phượng T và ông Trương Nhật Vũ B chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà Nguyễn Thị Phượng T và ông Trương Nhật Vũ B đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003775 ngày ngày 17/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Phượng T và ông Trương Nhật Vũ B đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND khu vực 9-TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Cơ quan nơi đăng ký việc kết hôn;
- Lưu: HS, VP.

**THẨM PHÁN**

**Trần Vũ Thanh Phương**